TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2023
"V*/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích.
2.Ông Nguyễn Hồng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên toà: Ngô Thị Vân Anh- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐXX-ST ngày 12/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2023/QĐ-ST ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Bùi Thị N, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

HKTT: Thôn Buộm, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B.

Nơi ở: Số 160, đường Cao Tùng, quận Tiểu Cảng, thành phố Cao Hùng, Đài Loan.

+ ***Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của chị Bùi Thị N*** là ông Phan Thế Quang.

Địa chỉ: Số 32, Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn**: Anh Nguyễn T A, sinh năm: 1988. (vắng mặt).

Nơi ở: Thôn Buộm, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:***

1. Ông Bùi Huy Luật, sinh năm: 1954 (vắng mặt).

2. Bà Vũ Thị Thà, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Trú quán: Thôn Buộm, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 02/3/2023, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày (Có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc):

Chị và anh Nguyễn T A trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B ngày 22/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ việc vợ chồng sống cách xa nhau về khoảng cách địa lý đã khiến hai bên bất đồng quan điểm, anh T A không còn chung thủy và có mối quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho mối quan hệ vợ chồng hết sức nặng nề, Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện và tìm cách tháo gỡ vướng mắc nhưng mâu thuẫn vẫn không những được giải quyết mà ngày càng lớn. Nay chị và anh Nguyễn T A đã sống ly thân nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn T A.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc Nam, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Nguyễn Phúc Vinh, sinh ngày 10/7/2015. Hiện nay cháu nguyễn Phúc Nam đang ở với anh Nguyễn T A và cháu Nguyễn Phúc Vinh đang ở với chị và ông bà ngoại, ly hôn chị đề nghị được giao cháu Nguyễn Phúc Vinh cho chị nuôi nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Phúc Nam cho anh Nguyễn T A nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Hiện nay chị đang lao động tại Đài Loan nên chị không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn T A được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn T A. Chị cũng ủy quyền cho ông Phan Thế Quang, có địa chỉ

tại số 32, Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, nộp đơn khởi kiện tạm ứng án phí, nhận bản án, trích lục và các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Bị đơn anh Nguyễn T A có bản tự khai ghi ngày 08/4/2023 trình bày:

Anh và chị Bùi Thị N trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B ngày 22/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ việc vợ chồng sống cách xa nhau về khoảng cách địa lý đã khiến hai bên bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho mối quan hệ vợ chồng hết sức nặng nề. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện và tìm cách tháo gỡ vướng mắc nhưng mâu thuẫn vẫn không những được giải quyết mà ngày càng lớn. Nay anh và chị N đã sống ly thân nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đề nghị ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc Nam, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Nguyễn Phúc Vinh, sinh ngày 10/7/2015. Hiện nay cháu nguyễn Phúc Nam đang ở với anh và cháu Nguyễn Phúc Vinh đang ở với chị N và ông bà ngoại. Ly hôn anh đề nghị được giao cháu Nguyễn Phúc Vinh cho chị N nuôi nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Phúc Nam cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã đến giao thông báo thụ lý cho anh T A nhưng anh T A đi làm ăn xa, không cho biết địa chỉ, nên Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bác ruột của anh Nguyễn T A là bà Vũ Thị Thà, sinh năm 1966; trú tại: Thôn Buộm, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà Thà thông báo cho anh Nguyễn T A biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Bùi Thị N và anh Nguyễn T A; yêu cầu anh Nguyễn Tuấn gửi lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà Thà cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn T A cho Tòa án. Tuy nhiên, qua làm việc bà Thà vẫn giữ nguyên quan điểm là anh Nguyễn T A hiện nay đang làm việc ở Bắc Ninh vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của Nguyễn T A, bà đồng ý thực hiện theo yêu cầu của Tòa án nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh Nguyễn T A biết để anh Nguyễn T A gửi lời khai về cho Tòa án. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh Nguyễn T A.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Phúc Vinh trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn T A và mẹ Bùi Thị N, hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ Bùi Thị N và ông bà ngoại. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ cháu là Bùi Thị N.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Phúc Nam trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn T A và mẹ Bùi Thị N, hiện nay cháu đang ở cùng với bố Nguyễn T A. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với bố cháu là Nguyễn T A.

Tại biên bản xác minh với ông Quất Xuân Mai-Trưởng thôn Buộm, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B. Ông Mai cho biết anh Nguyễn T A có địa chỉ tại thôn Buộm, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B hiện nay vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh Nguyễn T A hiện nay đang sinh sống cùng bà Vũ Thị Thà là bác ruột của anh Nguyễn T A. Anh Nguyễn T A thường xuyên vắng mặt tại địa phương, anh T A đi làm ở đâu thì địa phương không nắm được do công dân không khai báo.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn T A vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị N; Biên bản làm việc với bác ruột của anh Nguyễn T A là bà Vũ Thị Thà; Biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Phúc Nam và cháu Nguyễn Phú Vinh và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn chị Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn Nguyễn T A không có mặt ở địa phương nên Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn T A và xử vắng mặt anh Nguyễn T A là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83, Điều 104 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N. Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn T A.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phúc Vinh, sinh ngày 10/7/2015 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nhưng tạm giao cháu Nguyễn Phúc Vinh cho ông Bùi Huy Luật nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian chị N ở nước ngoài. Giao cháu Nguyễn Phúc Nam, sinh ngày 22/12/2013 cho anh Nguyễn T A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Bùi Thị N. Đối với anh Nguyễn T A không có mặt ở địa phương nên Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn T A và xử vắng mặt anh Nguyễn T A.

[1.2]. Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị N là nguyên đơn, hiện đang lao động tại Đài Loan có đơn xin ly hôn anh Nguyễn T A, anh Nguyễn T A có hộ khẩu thường trú tại thôn Buộm, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn T A kết hôn ngày 22/3/2013, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ việc vợ chồng sống cách xa nhau về khoảng cách địa lý đã khiến hai bên bất đồng quan điểm, anh T A không còn chung thủy và có mối quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho mối quan hệ vợ chồng hết sức

nặng nề, Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện và tìm cách tháo gỡ vướng mắc nhưng mâu thuẫn vẫn không những được giải quyết mà ngày càng lớn. Nay chị và anh Nguyễn T A đã sống ly thân nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn T A.

Hội đồng xét xử thấy, chị N và anh Nguyễn T A đã sống ly thân một thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Thị N và anh Nguyễn T A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Bùi Thị N và anh Nguyễn T A được ly hôn.

[4]. Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn T A đã có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc Nam, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Nguyễn Phúc Vinh, sinh ngày 10/7/2015. Hiện nay, cháu Nguyễn Phúc Nam đang ở với anh Nguyễn T A và cháu Nguyễn Phúc Vinh đang ở với chị N và ông bà ngoại. Ly hôn chị N đề nghị Toà án giao cháu Nguyễn Phúc Nam cho anh Nguyễn T A nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Phúc Vinh cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy từ khi chị N đi nước ngoài lao động đến nay thì cháu Nguyễn Phúc Vinh vẫn ở cùng với ông bà ngoại (bố mẹ chị) cháu được ông bà chăm sóc phát triển bình thường. Chị N hiện đang đi lao động tại nước ngoài vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ chị để bố mẹ chị chăm sóc cháu Nguyễn Phúc Vinh.

Còn cháu Nguyễn Phúc Nam kể từ khi chị đi nước ngoài thì cháu vẫn do anh Nguyễn T A chăm sóc và nuôi dưỡng, cháu được anh Nguyễn T A chăm sóc đầy đủ, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần.

Do vậy, chị N đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Phúc Vinh cho chị nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Phúc Nam cho anh Nguyễn T A nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu. Ngoài ra, cháu Vinh có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn và cháu Nam cũng có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N. Giao con chung là cháu Nguyễn Phúc Vinh, sinh ngày 10/7/2015 cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và giao cháu Nguyễn Phúc Nam, sinh ngày 22/12/2013 cho anh Nguyễn T A là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp

luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung.

Nhưng tạm giao cháu Nguyễn Phúc Vinh cho ông Bùi Huy Luật chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Bùi Thị N ở nước ngoài.

Chị Bùi Thị N, anh Nguyễn T A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị N, anh Nguyễn T A thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Bùi Thị N đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 104 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1, 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn T A.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc Vinh, sinh ngày 10/7/2015 cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và giao cháu Nguyễn Phúc Nam, sinh ngày 22/12/2013 cho anh Nguyễn T A là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Nhưng tạm giao cháu Nguyễn Phúc Vinh cho ông Bùi Huy Luật chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Bùi Thị N ở nước ngoài.

Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn T A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N, anh Nguyễn T A thực hiện quyền này

3.Về án phí: Chị Bùi Thị N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000062 ngày 10/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Bùi Thị N đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn T A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Huy Luật, bà Vũ Thị Thà vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Thanh Lâm, Lục Nam, tỉnh B.
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà